

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2013/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức huy động quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 132/2001/QĐ-TTg ngày 07/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính thực hiện chương trình phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2009 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 56/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 156/2009/TT-BTC ngày 03/8/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn cơ chế vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, đầu tư các dự án đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của HĐND tỉnh về

việc thông qua Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 32/TTr-SGTVT ngày 09/4/2013 về việc ban hành Quy chế thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015 và Báo cáo Thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 285/BC-STP ngày 20/12/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở ngành trực thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành, Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ, Lý Sơn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn
thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia
về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND
ngày 14/5/2013 của UBND tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc quản lý, đầu tư các tuyến đường xã, đường thôn, xóm và đường trục chính nội đồng; quy định về tổ chức bộ máy quản lý; về quy trình, thủ tục về lập kế hoạch, quản lý, cấp phát, thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015.

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại Quy chế này, việc tổ chức thực hiện các công trình nói trên còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015 (gọi tắt là *Đề án*).

Điều 2. Nguyên tắc quản lý vốn đầu tư

1. Chỉ được quyết định đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn, khả năng cân đối nguồn vốn và đảm bảo bố trí đủ vốn để thực hiện dự án không quá 03 năm. Nghiêm cấm việc triển khai dự án đầu tư khi chưa đảm bảo nguồn vốn thực hiện.

2. Các dự án đầu tư được quyết định đầu tư phải nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp công trình chưa có trong quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, thì trước khi phê duyệt dự án đầu tư phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân (sau này gọi tắt là UBND) cấp huyện về quy hoạch.

3. Chủ tịch UBND xã thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, phải đảm bảo sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai và minh bạch; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước và các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Thực hiện nguyên tắc công khai, dân chủ

1. Căn cứ danh mục công trình được phê duyệt trong Kế hoạch thực hiện Đề án của xã được phê duyệt, UBND xã có trách nhiệm thông báo cho nhân dân trong vùng dự án biết về quyền hạn, trách nhiệm của mình khi triển khai thực hiện dự án. Phương thức thông báo thực hiện theo Quy định của Quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Trên cơ sở ý kiến tham gia của nhân dân trong vùng dự án (được thể hiện thông qua nội dung Biên bản họp dân) và khả năng huy động các nguồn lực, UBND xã xây dựng kế hoạch thực hiện, trình Hội đồng nhân dân xã (sau đây gọi tắt là HĐND xã) thông qua để chỉ đạo tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện UBND xã có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của Quy chế dân chủ ở cơ sở; bảo đảm cho nhân dân trong vùng hưởng lợi của dự án thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình và được quyền kiểm tra, giám sát tất cả các khâu trong quá trình tổ chức thực hiện.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY, QUY TRÌNH, THỦ TỤC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Ban chỉ đạo thực hiện:

a) Ở huyện: Sử dụng tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện được thành lập theo Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 (gọi tắt là *Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010*).

b) Ở xã: Sử dụng tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới của xã được thành lập theo Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010.

2. Cấp quyết định đầu tư:

a) UBND huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình trên địa bàn xã khi ngân sách nhà nước hỗ trợ trên 03 tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình.

b) UBND xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình được ngân sách nhà nước hỗ trợ từ 03 tỷ đồng trở xuống trong tổng giá trị của công trình.

3. Chủ đầu tư:

a) Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã (sau đây gọi tắt là Ban quản lý xã) là chủ đầu tư các công trình trên địa bàn xã. Trong trường hợp các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý xã không đủ năng lực, UBND xã đề nghị UBND huyện làm chủ đầu tư, có sự tham gia của lãnh đạo Ban quản lý xã.

b) Ban quản lý xã do UBND xã quyết định thành lập. Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban, Phó Chủ tịch UBND xã là Phó Trưởng ban, các thành viên là một số công chức xã, đại diện một số ban, ngành của xã và trưởng thôn. Thành viên Ban quản lý xã chủ yếu hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Ban quản lý xã trực thuộc UBND xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản và sử dụng con dấu của UBND xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

c) Nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu của chủ đầu tư:

- Giúp UBND xã tổ chức xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch đầu tư hàng năm xây dựng nông thôn mới của xã, lấy ý kiến các cộng đồng dân cư trong xã và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện, giám sát các hoạt động thực thi các dự án đầu tư trên địa bàn xã.

- Quản lý và triển khai thực hiện các dự án bao gồm việc thực hiện các bước từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu bàn giao đưa dự án vào khai thác, sử dụng.

- Được ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng hoặc cá nhân cung cấp các hàng hóa, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các công trình, dự án đầu tư.

- Báo cáo công khai trước nhân dân hoặc đại biểu nhân dân các hạng mục và kinh phí đầu tư, bao gồm phần vốn hỗ trợ của ngân sách Nhà nước, phần vốn huy động của xã (*kể cả vật liệu và ngày công*) và các nguồn vốn khác.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của UBND xã.

4. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng:

a) Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có Trưởng ban là Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã hoặc Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã; các thành viên khác của Ban được bầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư cộng đồng.

b) Nhiệm vụ chủ yếu:

- Giám sát toàn bộ các mặt, các khâu của việc huy động, quản lý và sử dụng các khoản kinh phí hỗ trợ của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân và các nguồn lực khác đầu tư xây dựng công trình.

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, đơn vị tư vấn, đơn vị thi công; giám sát quá trình thi công, nghiệm thu, bàn giao và quyết toán công trình.

- Phát hiện và thông báo kịp thời cho cấp có thẩm quyền để xử lý các trường hợp vi phạm trong quá trình thi công, nghiệm thu; tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp xây dựng công trình.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quy trình lập kế hoạch đầu tư thực hiện

1. Xây dựng kế hoạch:

a) Cấp xã:

- Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch thực hiện Đề án của xã được phê duyệt và khả năng huy động các nguồn lực của xã, Ban quản lý xã tổ chức lắng ý kiến của cộng đồng khu dân cư, xây dựng kế hoạch, lập danh mục công trình, dự kiến kinh phí đầu tư và tổng hợp trình UBND xã để thông qua HĐND xã.

- Theo đề nghị của UBND xã, HĐND xã thông qua danh mục công trình và phương án huy động nguồn lực để thực hiện.

- Hàng năm trước ngày 10 tháng 9, sau khi được HĐND xã thông qua, UBND xã tổng hợp trình kế hoạch đăng ký xây dựng các công trình giao thông lên UBND huyện.

b) Cấp huyện (UBND huyện):

- Tiến hành thẩm định kế hoạch đầu tư hàng năm và tổng hợp kế hoạch chung trong toàn huyện.

- Hàng năm trước ngày 10 tháng 10, UBND huyện tổng hợp gửi kế hoạch đăng ký về UBND tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải để bố trí kế hoạch vốn cho năm sau.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổng hợp, thẩm định, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư (*phần ngân sách tỉnh quản lý*) đảm bảo các tiêu chí sau:

- Tập trung ưu tiên đầu tư đối với các địa phương có phương án huy động nguồn lực bố trí đủ theo Đề án được duyệt, ưu tiên đầu tư tại các huyện miền núi và huyện Lý Sơn.

- Tập trung nguồn vốn bố trí để ưu tiên đầu tư đối với 33 xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới đến năm 2015 (*theo Quyết định 238/QĐ-UBND ngày 25/11/2011 của UBND tỉnh*).

2. Kế hoạch phân bổ vốn:

a) Trên cơ sở kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh bố trí cho các địa phương, UBND huyện tập hợp các nguồn vốn được phân bổ được bố trí (*phần ngân sách tỉnh quản lý và ngân sách huyện quản lý*) phân bổ kế hoạch vốn cho từng xã.

b) UBND xã phân khai bố trí kế hoạch vốn cho từng công trình, dự án trình HĐND xã thông qua và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 6. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình

1. Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình:

a) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn có thời gian thực hiện dưới 02 năm hoặc giá trị công trình đến 03 tỷ đồng, chủ đầu tư tự lập Báo cáo kinh tế

kỹ thuật xây dựng công trình (*trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực thì thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện*). Nội dung Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình cần thể hiện rõ: Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian khởi công - hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn vốn.

b) Đối với các công trình có giá trị trên 03 tỷ đồng thì việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình do đơn vị có chức năng thực hiện.

c) Kinh phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng được bố trí trong kế hoạch năm từ nguồn vốn ngân sách đầu tư cho công trình.

2. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình

a) Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định trước khi quyết định phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.

- Đối với công trình do UBND huyện quyết định đầu tư: UBND huyện giao cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt.

- Đối với công trình do UBND xã quyết định đầu tư: Cơ quan chuyên môn của huyện có trách nhiệm góp ý bằng văn bản, UBND xã tổ chức thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình. Trường hợp UBND xã không đủ năng lực thì đề nghị phòng chuyên môn của huyện thẩm định theo quy định.

b) Thời gian thẩm định dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình:

- Tờ trình thẩm định (*gồm các nội dung chủ yếu: Tên công trình, chủ đầu tư, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phương án huy động vốn đầu tư, thời gian thực hiện và các nội dung khác*).

- Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.

- Báo cáo kết quả thẩm định.

- Biên bản họp dân thống nhất lựa chọn công trình;

Trong quá trình chuẩn bị đầu tư chủ đầu tư tiến hành lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư về việc xây dựng công trình (*là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt*).

Điều 7. Lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Các hình thức lựa chọn: Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng thực hiện theo 03 hình thức:

a) Giao các cộng đồng dân cư thôn (những người hưởng lợi trực tiếp) tự thực hiện xây dựng.

b) Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng.

c) Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu theo quy định hiện hành.

Khuyến khích thực hiện hình thức giao cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình hoặc nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực thực hiện.

2. Cách thức lựa chọn:

a) Đối với hình thức giao cho cộng đồng dân cư thôn (những người hưởng lợi trực tiếp) tự thực hiện xây dựng:

- Chủ đầu tư niêm yết thông báo công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hoá thôn, chợ, họp dân và thông tin trên trạm truyền thanh của xã.

- Trường hợp có nhiều nhóm cộng đồng cùng đăng ký tham gia thì chủ đầu tư tổ chức họp các nhóm đã đăng ký để công khai lựa chọn, dựa vào các tiêu chí giá cả, tiến độ và chất lượng để phê duyệt kết quả đấu thầu; thành phần mời tham gia họp gồm: Đại diện UBND xã, các đoàn thể xã hội, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, trưởng thôn, đại diện cộng đồng dân cư tham gia dự thầu; nếu hết thời hạn thông báo (do chủ đầu tư quy định) chỉ có 01 nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư giao cho nhóm đó thực hiện.

b) Đối với hình thức lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng:

- Chủ đầu tư thông báo mời thầu trên hệ thống truyền thanh của xã, niêm yết tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xã, đồng thời phổ biến cho các trưởng thôn để thông báo cho người dân được biết.

- Chủ đầu tư xây dựng hồ sơ mời thầu bao gồm các tiêu chuẩn đánh giá, tiêu chí để lựa chọn nhà thầu trình UBND xã phê duyệt. Tiêu chuẩn đánh giá phải phù hợp với yêu cầu tính chất của từng công trình cũng như điều kiện cụ thể của xã và thôn.

- Các nhóm thợ, cá nhân có tối thiểu 10 ngày để chuẩn bị hồ sơ dự thầu gửi chủ đầu tư.

- Sau khi hết hạn nhận hồ sơ dự thầu, chủ đầu tư tổ chức mở thầu đánh giá, lựa chọn nhóm thợ, cá nhân thi công. Thành phần mời tham gia đánh giá: Đại diện UBND xã, Ban quản lý xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và đại diện nhóm thợ, cá nhân tham gia dự thầu.

Trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá đã được UBND xã phê duyệt, các đại diện tham gia họp để đánh giá và bỏ phiếu bầu chọn nhóm thợ, cá nhân có đủ năng lực để thi công. Kết quả lựa chọn có Biên bản cuộc họp, chữ ký của các thành phần tham dự.

Ban quản lý xã tổng hợp trình UBND xã phê duyệt kết quả lựa chọn nhóm thợ, cá nhân thi công.

- Trong trường hợp nếu hết thời hạn quy định mà chỉ có một nhóm thợ, cá nhân tham gia dự thầu thì chủ đầu tư đàm phán và ký kết hợp đồng với nhóm thợ, cá nhân đó.

c) Đối với hình thức lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Phê duyệt kết quả lựa chọn: Chủ tịch UBND xã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình trên cơ sở đề nghị của Ban quản lý xã.

Điều 8. Giám sát hoạt động xây dựng

Tổ chức giám sát thi công công trình xây dựng bao gồm: Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có), giám sát tác giả và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thành lập tại khoản 4, Điều 4 của Quy chế này. Chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực giám sát thi công công trình.

1. Chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát (nếu có) thực hiện việc giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo các quy định có liên quan đến công tác giám sát, quản lý chất lượng công trình.

2. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện việc giám sát theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTU'MTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư cộng đồng và điểm b khoản 4 Điều 4 của Quy chế này.

3. Kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Phần IV Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTU'MTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính.

Điều 9. Bồi thường, giải phóng mặt bằng

Trường hợp khi triển khai công trình có phát sinh bồi thường, giải phóng mặt bằng thì UBND xã giải quyết theo phương thức sau:

1. Trường hợp thiệt hại về đất và tài sản gắn liền trên đất phải tháo dỡ, di dời thì phải xác định cụ thể giá trị bồi thường (*theo qui định của pháp luật về Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*) và đưa vào dự toán công trình.

2. Trường hợp thiệt hại về đất và tài sản gắn liền trên đất (gồm: tường rào, cổng ngõ) và cây cối thì tiến hành tuyên truyền, vận động nhân dân tự nguyện đóng góp cho công trình.

Điều 10. Nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng và quyết toán công trình

1. Hồ sơ hoàn thành công trình: Ban quản lý xã chủ trì, tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình ngay sau khi công trình hoàn thành.

a) Hồ sơ hoàn thành công trình được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục I.

b) Hồ sơ hoàn thành công trình được lập thành 03 tập gửi: UBND xã 01 tập, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện 01 tập và 01 tập còn lại dùng để lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công trình.

2. Nghiệm thu, bàn giao quản lý, khai thác công trình công trình

a) Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho UBND xã (*thành phần nghiệm thu gồm: UBND xã, đại diện Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã; đại diện các đơn vị: tư vấn thiết kế, thi công xây dựng, tư vấn giám sát (nếu có); đại diện Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, đại diện tổ chức quản lý sử dụng công trình và phòng chức năng của huyện*).

b) Sau khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng, UBND xã giao cho đơn vị có trách nhiệm quản lý sử dụng, bảo trì công trình.

3. UBND xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo trì đường bộ theo quy định của Nhà nước.

Điều 11. Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình chậm nhất sau 03 tháng khi dự án, công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; chậm nhất sau 02 tháng, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của người Quyết định đầu tư phải thực hiện xong công tác thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm theo Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính Quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm và các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 12. Phân kỳ thực hiện

1. Đến năm 2013, tập trung nguồn lực đầu tư để 42 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2. Đến năm 2014, tập trung nguồn lực đầu tư để 52 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

3. Đến năm 2015, tập trung nguồn lực đầu tư để 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Chương III NGUỒN VỐN, QUẢN LÝ, CẤP PHÁT VÀ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 13. Nguồn vốn đầu tư

Nguồn vốn thực hiện theo Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015:

1. Ngân sách tỉnh quản lý, gồm: vốn ngân sách tập trung của tỉnh, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, vốn ODA, vốn lồng ghép các Chương trình mục tiêu Quốc gia khác.

2. Ngân sách huyện quản lý, gồm: vốn ngân sách tập trung của tỉnh phân cấp cho huyện, các Chương trình mục tiêu Quốc gia phần trên địa bàn huyện, vốn vay tín dụng ưu đãi, ngân sách xã và vận động nhân dân.

Điều 14. Bố trí kế hoạch vốn đầu tư

1. Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các Sở ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí các nguồn vốn thực hiện Đề án cho UBND các huyện.

2. Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch vốn của UBND tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm cấp vốn có mục tiêu cho các huyện để thực hiện Đề án.

3. UBND huyện căn cứ chỉ tiêu vốn được giao theo kế hoạch cùng với ngân sách huyện tiến hành phân bổ kinh phí cho UBND xã.

4. UBND xã căn cứ vào kinh phí được UBND huyện phân bổ, cân đối nguồn vốn ngân sách xã, vốn nhân dân và các tổ chức, cá nhân khác đóng góp để lập kế hoạch quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả.

Điều 15. Quản lý các nguồn vốn

1. Các công trình mà ngân sách nhà nước cấp trên hỗ trợ chiếm từ 50% vốn trở lên thì thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Đối với các công trình mà ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn chiếm dưới 50% vốn thì cơ chế quản lý do Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã và nhà tài trợ tự quy định.

3. Đối với công trình sử dụng vốn ODA thì thực hiện theo Hiệp định đã ký kết với đối tác cấp ODA.

4. Nguyên tắc lồng ghép:

a) Lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn để thực hiện các dự án đầu tư.

b) Việc lồng ghép các nguồn vốn được thực hiện từ khâu lập, phân bổ, giao dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư phát triển, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả.

c) Trong quá trình thực hiện lồng ghép các nguồn vốn phải đảm bảo không làm thay đổi mục tiêu, tổng mức vốn đầu tư phát triển.

Tất cả các nguồn vốn đầu tư cho công trình đều phải chuyển vào tài khoản của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện các giao dịch tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán công trình thông qua việc kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước.

5. Các khoản đóng góp:

a) Đối với khoản đóng góp bằng vật tư, công lao động tự nguyện của nhân dân trong xã: căn cứ vào số lượng vật tư, công lao động do người dân đóng góp, giá cả vật tư, giá ngày công lao động tại địa phương (tại thời điểm đóng góp), UBND xã (do Ban quản lý xã tham mưu) xác định giá trị (bằng tiền Việt Nam) để thực hiện ghi thu, ghi chi theo quy định.

b) Đối với khoản đóng góp bằng hiện vật của tổ chức, cá nhân khác để đầu tư cho xã: UBND xã thành lập Hội đồng xác định giá trị hiện vật (bằng tiền Việt Nam) để giao cho Chủ đầu tư quản lý; đồng thời thực hiện ghi thu, ghi chi theo quy định. Hội đồng xác định giá trị hiện vật do Chủ tịch UBND xã quyết định thành lập; thành viên gồm đại diện Chính quyền, Đoàn thể trong đơn vị cấp xã và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 16. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư

1. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình từ nguồn vốn ngân sách xã: Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với công trình từ các nguồn vốn còn lại thực hiện theo Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 và các quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 17. Trách nhiệm của các Sở ngành

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn, bảo đảm hoàn thành mục tiêu của Đề án.

b) Thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án từ các nguồn vốn nhằm phát huy hiệu quả đầu tư.

2. Sở Tài chính:

a) Tham mưu cho UBND tỉnh về việc cấp phát vốn và lập hồ sơ vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

b) Hướng dẫn các địa phương thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định hiện hành và quy định tại quy chế này.

3. Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các địa phương về tiêu chuẩn, quy mô kỹ thuật, thiết kế mẫu, dự toán mẫu để xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện đầu tư trên địa bàn 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015

Điều 18. Trách nhiệm của UBND huyện

1. Đầu mối tiếp nhận, quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ của ngân sách tỉnh để thực hiện Đề án.

2. Thực hiện bố trí kế hoạch vốn từ nguồn ngân sách huyện cho UBND xã để thực hiện Đề án.

3. Thống nhất công trình cần phải đầu tư trên địa bàn huyện quản lý theo đề nghị của UBND xã (*theo Phụ lục II*).

4. Tổ chức thực hiện việc huy động các nguồn lực của huyện và chỉ đạo UBND xã thực hiện đầu tư công trình theo Kế hoạch thực hiện Đề án của xã được phê duyệt.

5. Chỉ đạo các phòng chức năng của huyện thực hiện nhiệm vụ liên quan trong quá trình quản lý nguồn vốn đầu tư. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Đề án trên địa bàn cho UBND tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi Sở Tài chính và Sở Giao thông vận tải.

Điều 19. Trách nhiệm của UBND xã

1. Xây dựng và trình HĐND xã thông qua kế hoạch bố trí các nguồn vốn để thực hiện Đề án trên địa bàn. Lập Bảng đăng ký thực hiện công trình hàng năm trình UBND huyện thống nhất để có cơ sở triển khai thực hiện (*theo Phụ lục III*).

2. Chỉ đạo Ban quản lý xã chủ trì phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị tiến hành vận động nhân dân tự nguyện đóng góp của để thực hiện Đề án trên địa bàn (*theo Phụ lục IV*).

3. Quản lý, sử dụng vốn có hiệu quả, đúng mục đích của Đề án và thực hiện quyết toán các nguồn vốn đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn khác có liên quan và quy định tại quy chế này.

4. Thông qua HĐND xã để quyết định giá quy đổi thành tiền Việt Nam trong trường hợp nhân dân đóng góp bằng hiện vật hoặc định giá ngày công lao động đóng góp để khấu trừ vào phần vốn góp của dân theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Chủ trì phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị của xã vận động, huy động nguồn vốn đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn khác theo Nghị quyết của HĐND và kế hoạch của UBND xã.

2. Mở tài khoản của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện các giao dịch trong việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho công trình.

3. Có trách nhiệm cung cấp các tài liệu theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước để thực hiện việc kiểm soát, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư cho công trình; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

4. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ đầu tư từ khâu xây dựng kế hoạch, tổ chức huy động nguồn lực, kiểm tra, giám sát đến việc thanh toán, quyết toán vốn đầu tư. Công khai quyết toán vốn đầu tư xây dựng trước nhân dân theo nguyên tắc dân chủ cơ sở.

5. Xác định giá trị đóng góp trường hợp nhân dân đóng góp bằng hiện vật hoặc định giá ngày công lao động đóng góp bảo đảm sự phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại thời điểm góp và tính toán qui đổi thành tiền Việt Nam để khấu trừ vào phần vốn góp của dân theo quy định. Lập Biên bản xác nhận: giá trị qui đổi vật tư, vật liệu, ngày công lao động giữa Ban quản lý xã và đơn vị thi công để làm cơ sở tính khấu trừ phần vốn góp của nhân dân.

Điều 21. Chế độ thông tin báo cáo

1. Các loại báo cáo:

a) Báo cáo về tình hình quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng lập định kỳ 6 tháng, 01 năm và tổng hợp toàn giai đoạn 2013 - 2015: Do UBND xã chủ trì, phối hợp với Ban quản lý xã thực hiện và gửi về UBND huyện. UBND huyện có trách nhiệm tổng hợp báo cáo cho UBND tỉnh thông qua các Sở Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải. Nội dung cụ thể gồm:

- Số liệu kết quả thực hiện báo cáo (*theo Phụ lục V*).
- Đề xuất kế hoạch thực hiện đầu tư cho kỳ tiếp theo (*kể cả nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch Đề án và các danh mục ưu tiên đầu tư*).
- Lập Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện.

b) Báo cáo Giám sát đầu tư của cộng đồng theo định kỳ 6 tháng và 01 năm do Ban giám sát đầu tư của cộng đồng lập và gửi về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Hội đồng nhân dân xã, UBND xã và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Thời gian gửi báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ: Báo cáo 6 tháng được gửi trước ngày 15/6 hàng năm và báo cáo 01 năm được gửi trước ngày 15/12 hàng năm.

b) Báo cáo tổng hợp giai đoạn 2013 - 2015: Gửi trước ngày 15/12/2015.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, các xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, phòng, ban liên quan và Ban quản lý xã nghiêm túc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, bất cập hoặc chưa phù hợp với thực tế của địa phương thì lập báo cáo, đề xuất giải pháp trình UBND tỉnh (*qua Sở Giao thông vận tải*) để xem xét điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND
ngày 14/5/2013 của UBND tỉnh)

DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH**1. Hồ sơ chuẩn bị xây dựng - Hợp đồng**

- Văn bản thống nhất thực hiện công trình của UBND huyện.
- Phương án bồi thường, GPMB và xây dựng tái định cư (nếu có);
- Quyết định cấp đất, thuê đất của cơ quan thẩm quyền (nếu có);
- Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu tư vấn, thi công xây dựng và các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu này;
- Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng thực hiện gói thầu theo quy định.

2. Hồ sơ khảo sát xây dựng - thiết kế xây dựng công trình

- Báo cáo khảo sát xây dựng công trình;
- Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng;
- Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật kèm theo: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình;
- Biên bản nghiệm thu thiết kế.

3. Hồ sơ thi công - nghiệm thu công trình xây dựng

- Bản vẽ hoàn công các bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình hoàn thành (có danh mục bản vẽ kèm theo);
- Các chứng chỉ xuất xứ, nhãn mác hàng hóa, công bố sự phù hợp về chất lượng của nhà sản xuất, chứng nhận sự phù hợp chất lượng của sản phẩm sử dụng trong công trình theo quy định (nếu có);
- Các phiếu kết quả thí nghiệm xác nhận chất lượng sản phẩm sử dụng trong công trình do các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận thực hiện;
- Kết quả kiểm định chất lượng sản phẩm (nếu có) của các tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng hoặc thông báo kết quả kiểm tra chất lượng (nếu có) của các tổ chức có tư cách pháp nhân được nhà nước quy định;
- Các biên bản nghiệm thu chất lượng thi công xây dựng, kết quả thí nghiệm trong quá trình thi công và hoàn thành công trình (có danh mục biên bản, kết quả thí nghiệm kèm theo);
- Các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền (nếu có);
- Nhật ký thi công xây dựng công trình;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng;
- Báo cáo của tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng đối với những bộ phận, hạng mục công trình hoặc công trình có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng trước khi chủ đầu tư nghiệm thu (nếu có);
- Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND
ngày 14/5/2013 của UBND tỉnh)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

Số: /UBND

V/v thống nhất thực hiện
công trình thuộc Đề án
phát triển giao thông nông
thôn thuộc 65 xã đạt tiêu
chí về giao thông trong Bộ
tiêu chí quốc gia về xây
dựng nông thôn mới tỉnh
Quảng Ngãi

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Xét đề nghị của UBND xã về đăng ký khối lượng thực hiện công trình thuộc Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015, UBND huyện thống nhất các nội dung sau:

1. Công trình: ;
2. Chủ đầu tư: Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã. ;
3. Địa điểm xây dựng: xã, huyện ;
4. Quy mô kỹ thuật kỹ thuật:
5. Khái toán vốn đầu tư: triệu đồng;

trong đó:

- Phần ngân sách tỉnh quản lý: triệu đồng; tỷ lệ %;

- Phần ngân sách huyện quản lý: triệu đồng; tỷ lệ %;

(phần ngân sách huyện quản lý cần làm rõ các nguồn vốn dự kiến bố trí và nguồn vận động nhân dân đóng góp).

6. Thời gian thực hiện: ;

(Các số liệu trên sẽ được chuẩn xác khi lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

Giao cho UBND xã : căn cứ các quy định có liên quan và nội dung văn bản này để triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án./.

Nơi nhận:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND
ngày 14/5/2013 của UBND tỉnh)

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
....., ngày ... tháng ... năm 200...

BẢNG ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN NĂM
Của xã:; Huyện

UBND xã đăng ký thực hiện công trình: trong năm, thuộc Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Công trình:
2. Chủ đầu tư: Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã.
3. Địa điểm xây dựng: xã, huyện
4. Quy mô kỹ thuật kỹ thuật:
5. Khái toán vốn đầu tư: triệu đồng;

trong đó:

- Phần ngân sách tỉnh quản lý: triệu đồng; tỷ lệ%;
 - Phần ngân sách huyện quản lý: triệu đồng; tỷ lệ%;
- (phần ngân sách huyện quản lý cần làm rõ các nguồn vốn dự kiến bố trí và nguồn vận động nhân dân đóng góp).

6. Thời gian thực hiện:

(Các số liệu trên sẽ được chuẩn xác khi lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

UBND xã đăng ký thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 - 2015; kính đề nghị UBND huyện xem xét, sớm có thông báo chấp thuận để UBND xã có cơ sở triển khai các bước tiếp theo theo quy định./.

Nơi nhận:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND
ngày 14/5/2013 của UBND tỉnh)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Về việc thống nhất lựa chọn công trình thuộc Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013 – 2015

Hôm nay, vào lúc giờ, ngày .../.../20..., tại ; UBND xã và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã tổ chức cuộc họp bàn thống nhất lựa chọn công trình thuộc Đề án phát triển giao thông nông thôn thuộc 65 xã đạt tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi thực hiện năm 20.. trên địa bàn xã;

Thành phần dự họp:

1. Đại diện UBND xã, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã và hội đoàn thể của xã:

- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

2. Trưởng thôn hoặc Tổ, đội trong vùng dự án:

- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

3. Đại diện nhân dân trong vùng dự án:

- Ông (bà): Địa chỉ:
- Ông (bà): Địa chỉ:
- Ông (bà): Địa chỉ:

Chủ trì cuộc họp:

- Ông (bà): Chức vụ:

Thư ký cuộc họp:

- Ông (bà): Chức vụ:

Cuộc họp đã nghe đại diện UBND xã, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã phổ biến các quy định có liên quan đến việc thực hiện chương trình bê tông hoá đường xã; nêu trách nhiệm, quyền hạn của xã và nhân dân trong vùng dự án để các đại biểu và đại diện nhân dân dự họp thảo luận và quyết định các việc liên quan.

Cuộc họp đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:

I. Tuyển công trình thực hiện đầu tư năm:

- Tên công trình:

- Kinh phí khái toán: triệu đồng.

(Các số liệu trên sẽ được chuẩn xác khi lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

II. Nguồn vốn và phân chia các nguồn kinh phí:

Căn cứ quy định của UBND tỉnh và UBND huyện; cuộc họp thống nhất phân chia tỷ lệ các nguồn vốn đầu tư cho công trình như sau:

Tổng vốn đầu tư (tạm tính): **Triệu đồng;**

trong đó:

- Phần ngân sách tỉnh quản lý: triệu đồng; tỷ lệ:%.

- Phần ngân sách huyện quản lý triệu đồng; tỷ lệ:%.

III. Kết luận:

1. Thống nhất huy động các nguồn đóng góp của xã cùng với vốn hỗ trợ ngân sách Nhà nước để thực hiện bê tông hoá đường nói trên nhằm giải quyết tốt nhu cầu đi lại của nhân dân; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

2. UBND xã có trách nhiệm chỉ đạo Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã chủ trì phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các thôn tổ chức thực hiện việc huy động nguồn lực và quản lý thực hiện dự án theo quy định.

Cuộc họp kết thúc vào lúc . . . giờ . . . phút cùng ngày, Biên bản này đã được đọc cho tất các thành viên dự họp nghe, thống nhất thông qua và được lập thành 06 bản có giá trị như nhau; đại diện nhân dân 01 bản, UBND xã 01 bản, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã 01 bản; UBND huyện 03 bản.

THƯ KÝ

CHỦ TRÌ

ĐD ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

ĐD CÁC HỘI ĐOÀN THỂ CỦA XÃ

TỔ TRƯỞNG

ĐD. NHÂN DÂN TRONG VÙNG DỰ ÁN

Phụ lục VI
DANH SÁCH CÁC XÃ PHÂN ĐẦU ĐẠT TIÊU CHÍ VỀ GIAO THÔNG
TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2015
(Kèm theo Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND ngày 14/5/2013 của UBND tỉnh)

T	Huyện	Tổng số (xã)	Đến năm 2015	Phân ra các năm				Danh sách 65 xã dự kiến đạt tiêu chí giao thông đến năm 2015
				2012	2013	2014	2015	
I	Đông bằng	97	60	35	42	52	60	Danh sách 32 xã còn lại
1	Bình Sơn	24	13	7	9	10	13	Bình Thanh Đông, Bình Thanh Tây, Bình Long, Bình Minh, Bình Chương, Bình Mỹ, Bình Tân, Bình Nguyên, Bình Chánh, Bình Phú (10 xã)
2	Sơn Tịnh	20	12	7	9	12	12	Tịnh Long, Tịnh Bắc, Tịnh Hà, Tịnh Hiệp, Tịnh An Đông, Tịnh An Tây, Tịnh Hoà, Tịnh Đông (8 xã)
3	Tur Nghĩa	16	12	7	8	10	12	Nghĩa Trung, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Điền, Nghĩa Hà, Nghĩa Sơn (7 xã)
4	Nghĩa Hành	11	9	7	8	9	9	Hành Thuận, Hành Thịnh, Hành Đức, Hành Thiện, Hành Dũng, Hành Phước, Hành Minh, Hành Trung và Hành Nhân (9 xã)
5	Mộ Đức	12	10	5	6	7	10	Đức Thạnh, Đức Nhuận, Đức Hòa và Đức Tân (4 xã)
								Đức Phú, Đức Phong, Đức Chánh, Đức Thắng, Đức Minh, Đức Hiệp (6 xã)

T	Huyện	Tổng số (xã)	Đến năm 2015	Phân ra các năm				Danh sách 65 xã dự kiến đạt tiêu chí giao thông đến năm 2015
				2012	2013	2014	2015	
								Danh sách 32 xã còn lại (xã)
6	Đức Phổ	14	4	2	2	4	4	Phổ Phong (1 xã)
II	Miền núi	64	5				5	
1	Trà Bồng	9	1				1	
2	Tây Trà	9	0					Trà Bình
3	Sơn Hà	13	1				1	Sơn Thành
4	Sơn Tây	9	0					
5	Minh Long	5	1				1	Long Sơn
6	Ba Tơ	19	1				1	Ba Chùa
II	Hải đảo	3	0					
I								
1	Lý Sơn	3	1				1	An Hải
	Tổng cộng	164	65	35	42	52	65	